

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý II năm 2012 (Dạng đầy đủ)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.17	91,067,193,947	66,869,480,073	124,230,904,278	100,620,870,469
2. Các khoản giảm trừ	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		91,067,193,947	66,869,480,073	124,230,904,278	100,620,870,469
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.19	77,376,182,199	46,894,164,210	87,116,106,127	58,820,082,723
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		13,691,011,748	19,975,315,863	37,114,798,151	41,800,787,746
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.18	4,640,209,081	9,426,734,777	6,219,243,160	14,722,115,993
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.20	66,857,694	516,237,500	461,841,993	516,237,500
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		66,857,694	516,237,500	461,841,993	516,237,500
8. Chi phí bán hàng	24					
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6,790,329,970	6,077,262,379	12,450,365,350	10,535,917,639
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		11,474,033,165	22,808,550,761	30,421,833,968	45,470,748,600
11. Thu nhập khác	31		4,300,000	15,759,000	13,542,010	15,759,000
12. Chi phí khác	32		259,240,000	159,612,400	457,774,806	287,882,000
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(254,940,000)	(143,853,400)	(444,232,796)	(272,123,000)
14. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết			(4,350,715,100)		(4,350,715,100)	(1,380,268,834)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		6,868,378,065	22,664,697,361	25,626,886,072	43,818,356,766
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.21	718,745,357	5,059,367,441	5,442,027,307	10,691,859,463
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		6,149,632,708	17,605,329,920	20,184,858,765	33,127,297,303
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		1,051,465,635	1,472,664,120	1,077,449,498	1,554,689,112
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		5,098,167,073	16,132,665,800	19,107,409,267	31,572,608,191
18. Lãi cơ bản trên cổ phần của công ty mẹ (*)	70		478	1,514	1,793	2,963

Ghi chú: (*) Chỉ tiêu này chỉ áp dụng đối với Công ty cổ phần.

Người lập biểu



Trần Thị Kim Thu

Kế toán trưởng



Trương Lưu

Ngày 09 tháng 08 năm 2012



Nguyễn Xuân Đình